THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hôm nay tiếp tục giảm xuống vùng 1,260 – 1,265 trước khi tăng trở lại và đóng cửa tại mốc 1,273.96 điểm, tăng gần 6 điểm so với hôm qua. Số mã giảm khá cân bằng với số mã tăng, tuy nhiên 15/18 ngành tăng điểm cho thấy dòng tiền có sự phân hóa. Ngành dầu khí dẫn đầu đà tăng hôm nay, theo sau là ngành Hóa chất, Tài nguyên cơ bản,… Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. VN-Index vẫn đang trong giai đoạn tìm điểm cân bằng trong vùng 1,260 – 1,280.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 06/09/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index +5.75 điểm, đóng cửa tại 1273.96 điểm. HNX-Index -0.31 điểm, đóng cửa tại 234.65 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: BID (+0.84), MSN (+0.68), CTG (+0.66), GVR (+0.59), HPG (+0.55).
• Kéo chỉ số giảm: VIC (-0.37), SSB (-0.33), HDB (-0.14), HVN (-0.11), SAB (-0.09).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 12,185 tỷ đồng, giảm -17.60% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 15,450 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 11.5 điểm. Thị trường có 192 mã tăng, 64 mã tham chiếu, 212 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 231.37 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (199.62 tỷ), CTG (103.05 tỷ), VNM (82.64 tỷ), MSN (61.98 tỷ), STB (57.88 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 39.95 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 -1.22%. Các mã diễn biến tích cực: MSN (+2.56%), DCM (+2.33%), CTG (+1.43%).
• BSC50 -1.29%. Các mã diễn biến tích cực: DPM (+3.45%), HDG (+3.05%), VRE (+2.03%).

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-1.22%	-1.29%	-0.77%	-1.21%
1 tuần				
1 tháng	-0.21%	-1.27%	-0.11%	0.78%
3 tháng	0.10%	-1.48%	0.83%	0.87%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,273.96	234.65	93.37
% 1D	0.45%	-0.13%	-0.11%
GTGD (tỷ VND)	12,185	827	508
%1D	-17.60%	-4.82%	-14.40%
GDNN (tỷ VND)	231.37	39.95	-17.91

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
FPT	199.62	VHM	-371.08
CTG	103.05	HDB	-48.16
VNM	82.64	VPB	-37.43
MSN	61.98	VHC	-24.91
STB	57.88	PDR	-20.40

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,503	-0.30%	-1.59%
FTSE100	8,216	-0.31%	-1.91%
Eurostoxx	4,801	-0.72%	-3.24%
Shanghai	2,767	-0.78%	-2.66%
Nikkei	36,423	-0.62%	-5.69%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.77	-0.14%
Giá vàng	2,517	
Tỷ giá		
USD/VND	24,820	-0.40%
EUR/VND	28,163	-0.23%
JPY/VND	177	0.57%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.4%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50

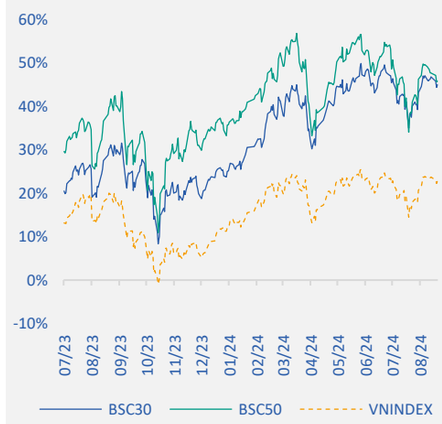

Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thống kê thị trường	Trang 2
Danh mục BSC30	Trang 3
Danh mục BSC50	Trang 4
Báo cáo mới nhất	Trang 5
Khuyến cáo sử dụng	Trang 6

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	49.30	1.23%	0.84	5.70
MSN	76.00	2.56%	0.68	1.44
CTG	35.50	1.43%	0.66	5.37
GVR	34.50	1.77%	0.59	4.00
HPG	25.40	1.40%	0.55	6.40

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VIC	44.65	-0.89%	-0.37	3.82
SSB	18.00	-2.70%	-0.33	2.84
HDB	26.75	-0.74%	-0.14	2.91
HVN	21.30	-0.93%	-0.11	2.21
SAB	56.70	-0.53%	-0.09	1.28

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	68.50	3.16%	0.20	0.13
PVS	40.50	1.25%	0.17	0.48
DNP	24.00	5.73%	0.14	0.14
NET	97.00	5.43%	0.08	0.02
VIF	17.80	1.71%	0.08	0.35

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	59.90	-2.92%	-0.25	0.20
SHS	15.60	-2.50%	-0.23	0.81
MBS	27.10	-1.45%	-0.12	0.44
NVB	9.00	-2.17%	-0.08	0.56
CEO	16.10	-1.23%	-0.08	0.54

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1
Giao dịch tự doanh

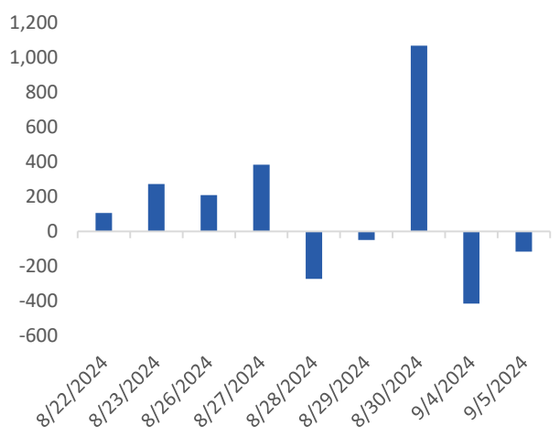

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2
Giao dịch khối ngoại

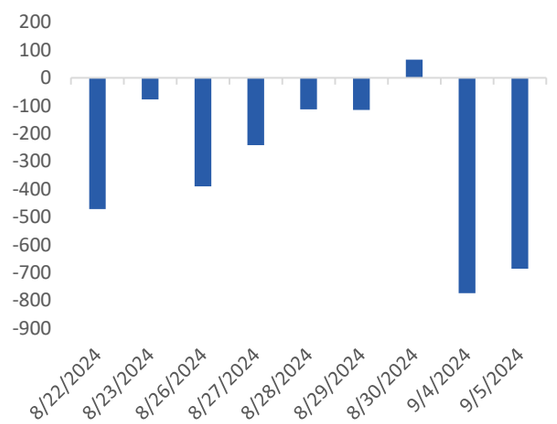

Nguồn: FiinProX, BSC Research

Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	90.2	0.10%	0.6	20,286	2.8	5,962	15.1	-	23.4%	Link
BID	Ngân hàng	49.3	1.20%	1.1	11,308	4.7	4,006	12.3	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	0.80%	1.0	5,890	11.1	1,460	12.6	-	26.0%	Link
TCB	Ngân hàng	22.8	0.00%	1.2	6,463	11.2	3,047	7.5	-	20.8%	Link
MBB	Ngân hàng	24.0	0.20%	1.0	5,124	14.2	4,018	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.9	1.00%	1.1	2,268	10.3	4,340	6.9	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	35.5	1.40%	1.3	7,671	13.1	3,782	9.4	-	296.5%	Link
ACB	Ngân hàng	24.6	0.40%	0.7	4,421	5.0	3,676	6.7	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	33.4	0.90%	1.3	2,028	12.8	1,882	17.8		41.4%	Link
IDC	Xây dựng	58.7	-3.60%	1.1	780	2.2	5,573	10.5	65,700	24.2%	Link
HPG	Xây dựng	25.4	1.40%	1.2	6,537	23.4	1,746	14.5	41,500	23.3%	Link
HSG	VLXD	20.0	0.30%	1.6	494	5.9	1,844	10.8	25,300	14.9%	Link
VHM	BĐS	43.9	0.30%	1.0	7,692	18.1	5,326	8.2	108,300	14.0%	Link
KDH	BĐS	37.8	-0.40%	1.2	1,383	2.7	765	49.4	44,500	38.1%	Link
NLG	BĐS	41.1	0.00%	1.3	636	1.1	1,102	37.3	-	48.9%	Link
DGC	Hóa chất	114.0	0.30%	1.4	1,742	8.4	7,898	14.4	115,000	18.3%	Link
DCM	Phân bón	37.4	2.30%	1.3	796	5.7	2,828	13.2	38,700	7.4%	Link
GAS	Dầu khí	84.1	1.00%	0.6	7,772	3.0	4,760	17.7	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.5	0.70%	1.0	779	3.8	1,932	21.0	57,000	21.9%	Link
PVD	Dầu khí	26.6	1.30%	1.3	595	3.5	1,150	23.1	38,400	14.9%	Link
POW	Dầu khí	13.1	0.40%	0.7	1,234	2.9	467	28.1	17,100	4.1%	Link
VHC	Thủy sản	70.4	-1.50%	1.2	636	2.5	3,216	21.9	108,500	30.1%	Link
GMD	Logistics	78.0	-1.00%	0.7	974	2.1	3,966	19.7	90,400	48.6%	Link
VNM	Bán lẻ	75.4	0.90%	0.6	6,341	11.0	4,633	16.3	93,100	51.6%	Link
MSN	Bán lẻ	76.0	2.60%	1.2	4,627	13.6	466	163.0	110,000	26.1%	Link
MWG	Bán lẻ	68.0	0.10%	1.3	4,000	22.8	1,507	45.1	-	47.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	99.6	-0.50%	1.0	1,341	4.6	6,133	16.2	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	62.0	0.60%	1.7	417	2.6	2,237	27.7	66,600	25.2%	Link
FPT	Bán lẻ	132.1	1.10%	1.1	7,763	20.3	4,890	27.0	107,900	45.6%	Link
CTR	Hạ tầng	124.5	-0.40%	1.4	573	1.0	4,590	27.1	-	9.2%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	26.8	-0.70%	0.9	3,135	5.6	4,137	6.5	1.6	19.2%	27.8%
VIB	Ngân hàng	18.1	-0.30%	1.1	2,162	1.5	3,048	5.9	1.2	4.3%	21.4%
TPB	Ngân hàng	17.7	0.60%	1.3	1,568	5.3	2,154	8.2	1.1	28.5%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.4	0.40%	1.1	1,193	1.8	2,366	4.8	0.7	22.7%	14.9%
EIB	Ngân hàng	18.4	-0.80%	0.8	1,292	6.6	1,273	14.5	1.4	2.8%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.3	0.50%	1.7	830	11.0	1,397	21.0	1.9	45.7%	10.6%
VCI	Chứng khoán	45.5	1.10%	1.7	809	6.7	1,763	25.8	2.3	20.7%	9.6%
VND	Chứng khoán	15.2	-0.30%	1.5	931	5.5	1,591	9.6	1.3	13.3%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.6	-0.40%	1.7	436	0.8	2,165	22.4	2.0	40.0%	9.3%
SHS	Chứng khoán	15.6	-4.90%	1.7	510	6.2	1,338	11.7	1.2	8.9%	10.5%
CTD	Xây dựng	62.6	-0.80%	1.3	252	0.9	2,996	20.9	0.7	46.7%	3.6%
HHV	Xây dựng	12.3	1.20%	1.5	214	3.2	860	14.3	0.6	7.9%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.8	-0.90%	1.5	84	1.1	771	14.1	0.8	2.2%	5.7%
SZC	Xây dựng	36.3	-1.40%	1.1	263	1.2	1,549	23.4	2.2	3.1%	12.1%
SIP	Xây dựng	74.2	0.00%	1.5	624	0.7	5,925	12.5	3.5	2.3%	29.0%
PHR	BĐS KCN	57.1	0.20%	1.0	311	0.4	3,028	18.9	2.0	18.5%	12.1%
DIG	BĐS	22.4	-1.80%	1.8	551	16.9	152	148.0	1.8	4.1%	1.1%
CEO	BĐS	16.1	-2.40%	2.0	350	2.3	313	51.4	1.4	4.7%	2.1%
KBC	BĐS KCN	26.5	1.70%	1.5	818	2.8	300	88.4	1.1	20.6%	1.7%
VGC	BĐS KCN	42.6	0.40%	1.2	769	1.2	1,776	24.0	2.3	4.4%	8.2%
GVR	BĐS KCN	34.5	1.80%	1.5	5,553	2.3	704	49.0	2.7	0.5%	6.5%
NKG	BĐS KCN	20.8	0.70%	1.7	221	3.3	1,580	13.2	0.9	12.6%	7.4%
BMP	Vật liệu	103.9	1.90%	1.2	342	0.7	11,420	9.1	3.2	82.9%	34.6%
IJC	Hạ tầng	13.9	0.40%	1.4	211	0.5	683	20.3	1.1	4.5%	6.0%
DXG	BĐS	15.4	-1.00%	1.6	448	6.5	249	62.1	1.0	15.7%	1.9%
VRE	Bất động sản	20.1	2.00%	1.3	1,838	9.1	1,975	10.2	1.1	22.2%	11.9%
PDR	Bất động sản	21.6	-1.10%	1.8	759	7.2	557	38.8	1.7	6.8%	5.0%
DIG	Bất động sản	22.4	-1.80%	1.8	551	16.9	152	148.0	1.8	4.1%	1.1%
HUT	Xây dựng	17.0	-1.20%	1.2	610	0.7	64	265.1	1.8	0.0%	1.7%
C4G	Xây dựng	9.0	0.00%	1.3	-	0.7	507	17.8	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	39.0	-0.40%	1.8	173	1.6	4,748	8.2	1.1	2.5%	15.2%
DHC	Hóa chất	37.0	-0.10%	1.2	120	0.3	3,067	12.1	1.6	39.3%	13.3%
DRC	Cao su	33.4	1.20%	0.8	160	0.4	2,509	13.3	2.1	11.6%	16.5%
PC1	Điện	28.2	0.40%	1.3	352	1.1	892	31.6	1.6	13.8%	6.1%
HDG	BĐS	28.8	3.00%	1.3	389	6.6	1,989	14.5	1.6	15.6%	11.8%
GEX	Điện	21.2	0.00%	1.6	725	3.1	1,245	17.0	1.4	8.3%	7.0%
QTP	Điện	14.2	-3.40%	0.6	-	0.1	1,357	10.5	1.2	1.2%	11.2%
PLX	O&G	47.0	2.00%	0.9	2,400	2.4	2,874	16.3	2.4	18.2%	13.8%
BSR	O&G	23.1	0.00%	1.0	-	4.8	2,408	9.6	1.2	0.0%	13.4%
PLC	O&G	26.0	0.40%	1.5	84	0.1	728	35.7	1.7	0.5%	4.7%
ANV	Thủy sản	31.4	0.50%	1.4	168	0.6	262	119.5	1.4	1.0%	1.2%
PTB	Gỗ	64.0	0.00%	0.7	172	0.2	4,903	13.1	1.5	24.9%	11.9%
VSC	Logistics	18.6	0.80%	1.4	200	1.7	713	26.1	1.2	3.0%	7.3%
VTP	Logistics	75.2	1.10%	1.5	368	0.8	2,943	25.6	5.7	6.9%	22.8%
DBC	Logistics	27.9	-0.90%	1.6	362	6.3	979	28.5	1.4	9.0%	5.0%
FRT	Bán lẻ	182.4	-0.10%	0.6	1,000	2.8	(414)	-440.2	14.9	36.4%	11.8%
QNS	Bán lẻ	47.0	-0.60%	0.6	-	0.3	6,678	7.0	1.9	12.2%	28.7%
TNG	Dệt may	26.6	-5.00%	1.2	131	2.8	2,254	11.8	1.7	15.8%	14.7%
PVT	O&G	28.2	0.70%	0.9	405	1.5	2,802	10.1	1.4	13.1%	14.2%
DPM	Phân bón	36.0	3.50%	1.3	566	6.4	1,703	21.1	1.2	9.0%	5.5%
REE	Tiện ích	65.6	0.50%	1.1	1,243	2.5	3,804	17.2	1.7	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024			Click
4	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
10	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
13	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

• *VN-*

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660